

Bản án số: 255/2017/DS-ST

Ngày: 19/7/2017

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 366/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2016 về “Đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2017/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1960.

Hộ khẩu thường trú: 606/153 Đường C, Phường Y, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 25 Đường C, Khu phố M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Hoàng P, sinh năm: 1978, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 17611 quyền 04 ngày 25/11/2016. (có mặt)

Địa chỉ: 1/2B Khu phố M, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đạt D, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: Số 23, Đường số C, Khu phố M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Số H, Đường số C, Khu phố M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 27/9/2008 bà L cho ông Nguyễn Đạt D mượn số tiền 50.000.000đồng hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 27/9/2008 với thời hạn vay là 03 tháng. Hết thời hạn bà L nhiều lần yêu cầu ông D trả số tiền trên nhưng ông D không trả. Nay bà L yêu cầu ông D trả cho bà toàn bộ số tiền 50.000.000đồng làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà L không yêu cầu bà V liên đới trả nợ cho bà.

* Bị đơn ông Nguyễn Đạt D trình bày:

Ông xác định ông có vay của bà L số tiền 50.000.000đồng theo Giấy mượn tiền ngày 27/9/2008. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông mới trả được cho bà L 5.000.000đồng, tuy nhiên ông không trực tiếp trả mà ông đưa tiền cho bà V trả, khi bà V trả tiền cho bà L thì không lập giấy. Nếu bà L không thừa nhận ông đã trả cho bà 5.000.000đồng thì ông cũng đồng ý trả cho bà L số tiền 50.000.000đồng. Tuy nhiên hiện nay ông già yếu nên không có tiền để trả 01 lần cho bà L nên ông yêu cầu mỗi tháng ông sẽ trả cho bà L 2.000.000đồng. Khoản tiền mượn này do một mình ông mượn để giải quyết việc cá nhân không liên quan đến bà V.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa ý kiến trình bày.

* Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Hoàng P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông D trả cho bà L 50.000.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông P cũng xác định quan hệ tranh chấp vụ án này là “Đòi tài sản” vì nguyên đơn chỉ yêu cầu ông D trả lại tài sản đã nhận chứ không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Đạt D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật.

Về nội dung: Ngày 27/9/2008 bà cho ông Nguyễn Đạt D mượn số tiền 50.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/9/2008 với thời hạn là 03 tháng. Hết thời hạn ông D không trả, bà L đã nhiều lần đòi nhưng ông D không trả. Nay bà L yêu cầu ông D trả cho bà toàn bộ số tiền 50.000.000đồng làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà V trả nợ, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, do ông D, bà V đang cư trú tại quận Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức. Đơn khởi kiện của bà L phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại đơn khởi kiện thì bà L xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nhưng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi lại tài sản và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản”, vì vậy Hội đồng xét xử điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi tài sản”.

Bị đơn ông Nguyễn Đạt D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông D, bà V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà V.

[2] Về nội dung:

Theo giấy mượn tiền ngày 27/9/2008 giữa bà L ông D thì ông D có mượn của bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 50.000.000đồng với thời hạn 03 tháng. Ông D cũng thừa nhận có mượn của bà L số tiền 50.000.000đồng. Bà L chỉ yêu cầu ông D trả số tiền nợ trên và ông D cũng cho rằng đây là khoản tiền ông vay riêng nên ông sẽ tự trả nợ không yêu cầu bà V liên đới trả nợ với ông.

Với ý kiến của ông D cho rằng ông đã đưa bà V trả cho bà L số tiền gốc là 5.000.000đồng tuy nhiên không có bất cứ tài liệu nào chứng minh và ông D cũng đồng ý trả cho bà L 50.000.000đồng nếu nguyên đơn không thừa nhận đã nhận. Tại

Tòa, nguyên đơn không thừa nhận đã nhận số tiền 5.000.000đồng mà ông D cho rằng bà V đã trả cho bà L vì vậy lời khai của ông D không có cơ sở chấp nhận.

Ông D yêu cầu cho ông trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét, bà L đã cho ông D mượn số tiền 50.000.000đồng từ năm 2008 đến nay, thời gian đã kéo dài và bà L nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D không trả. Nguyên đơn yêu cầu ông D trả ngay 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D.

Từ những nhận định trên có cơ sở xác định ông D còn nợ bà L số tiền 50.000.000đồng đến thời hạn trả nợ nhưng ông D không trả nợ cho bà L, vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu ông Nguyễn Đạt D trả số tiền 50.000.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm ông D phải nộp trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;
- Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L.

Buộc ông Nguyễn Đạt D phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo giấy mượn tiền ngày 27/9/2008, thực hiện 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo qui định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đạt D phải nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0014385 ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh